

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 9 – 2021
V/v Ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thanh Tâm.

Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm Sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Kim Thị N, sinh năm 1992, địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 07/4/2021, Tờ tường trình ngày 17/8/2021 và các tài liệu, chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án:*

- Về hôn nhân: Chị Kim Thị N và Anh Nguyễn Văn C quen biết nhau và có tình cảm được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2009. Năm 2012, vợ chồng có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kế Sách và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67/HT, ngày 09/5/2012.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn, vợ chồng có thời gian dài chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017, hai bên bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Nhận thấy đời sống hôn nhân giữa hai người không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Chị N có nguyện vọng ly hôn với Anh C.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có hai người con chung là cháu Nguyễn Châu P, sinh ngày 11/11/2010 và cháu Nguyễn Vi Ph, sinh ngày 08/11/2013. Hiện cháu Ph đang sống chung với Chị N, còn cháu P đang sống với Anh C.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai cháu Nguyễn Vi Ph, sinh ngày 08/11/2013 và Nguyễn Châu P, sinh ngày 11/11/2010 và yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng/cháu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Bị đơn anh Anh Nguyễn Văn C không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Kim Thị N.*

*Tại phiên tòa, Kiểm Sát viên viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, giao cho nguyên đơn và bị đơn mỗi người nuôi dưỡng một người con chung mà hiện nay hai đương sự này đang nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Anh Nguyễn Văn C, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do; Nguyên đơn Chị Kim Thị N vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Theo nội dung Tờ tường trình ngày 17/8/2021,

về con chung và cấp dưỡng, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ban đầu là yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vi Ph, sinh ngày 08/11/2013 và đồng ý giao cháu Nguyễn Châu P, sinh ngày 11/11/2010 cho Anh C nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị N và anh Anh Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn, theo Giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09/5/2012, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[3] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, sau khi kết hôn vợ chồng có hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, nên đã sống ly thân từ đầu năm 2017, đến thời điểm này, cả Chị N và Anh C cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị N.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, Chị N và Anh C có hai người con chung là cháu Nguyễn Châu P, sinh ngày 11/11/2010 (đang sống với Anh C) và cháu Nguyễn Vi Ph, sinh ngày 08/11/2013 (đang sống với Chị N).

[5] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[6] Theo thỏa thuận của đương sự, Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Ph và đồng ý giao cháu P cho Anh C nuôi dưỡng. Xét thấy, hai người con chung này từ nhỏ đã được cha, mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên cần tiếp tục giao cho người đang nuôi dưỡng tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người mẹ hoặc người cha còn lại có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị N, giao cháu Ph cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Giao cháu P cho Anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành

quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng cho Chị N và Anh C, không ai được ngăn cản.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị N và Anh C đối với nhau.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[10] Đề nghị của Kiểm Sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 71, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị N được ly hôn với anh Anh Nguyễn Văn C.

2) Về con chung: Giao cho Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Vi Ph, sinh ngày 08/11/2013, đến tuổi thành niên; Giao cho Anh C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Châu P, sinh ngày 11/11/2010, đến tuổi thành niên; Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng cho Chị N và Anh C, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của Chị N và Anh C đối với nhau.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009765, ngày 07/4/2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, Chị N đã nộp xong án phí sơ thẩm.

6) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

7) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã K;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng